

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4834/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, cụ thể:

Phụ lục 1: Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

Phụ lục 2: Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

Phụ lục 3: Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

Phụ lục 4: Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2024.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến thủ tục hành chính các số thứ tự 26, 27, 28, 29, 40, 41, mục V, Phụ lục II; số thứ tự 2, 3, 4 mục IB, số thứ tự 7, 8, 9, 10 mục IIB, phụ lục III; Thay thế nội dung liên quan đến thủ tục hành chính các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 mục I, số thứ tự 21, 22, 23, 24 mục IV, số thứ tự 25, 30, 31, 33, 34, 35, 37, 41 mục V, số thứ tự 3, 4, 5 mục II Phụ lục II; số thứ tự 1, 5 mục IB, số thứ tự 6 mục IIB, số thứ tự 12, 13, 14, 15, 16 mục IIIB, số thứ tự 24, 25 mục VB, số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, mục C phụ lục III; Bãi bỏ nội dung liên quan đến thủ tục hành chính các số thứ tự từ 9-16 mục II, số thứ tự từ 17 đến 20 mục III, số thứ tự 32, 36 mục V, Phụ lục II; từ số thứ tự 19 đến 23 mục IVB Phụ lục III; Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung nội dung các thủ tục hành chính số thứ tự 13, 11, 12, 6, 8, 3; Mục 3, Phụ lục I; Thay thế nội dung các thủ tục hành chính số thứ tự 53, 55, 52, 50, 51, 46, 45, 44, 43, 17, 14, 15, 9, 19, 10, 1, 7, 5, 4 Mục 3, Phụ lục I, số thứ tự 83 mục 9 phụ lục I; Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 38, 39, 35, 40, 42, 37, 41, 36, 31, 33, 32, 34, 16, 18 mục 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung nội dung các thủ tục hành chính số thứ tự 24, 25, 27, 29, 30, 32, 31 Phụ lục I; Thay thế nội dung các thủ tục hành chính số thứ tự 28, 26, 33, 38, 34, 35, 37, 36, 17, 16, Phụ lục I; Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 20, 23, 19, 22, 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung nội dung các thủ tục hành chính số thứ tự: 75, 62, 74, 49, 33, 47 mục 3 Phụ lục I, các số thứ tự 85, 83, 84, 93, 95, 94, 91 Phụ lục II; Thay thế nội dung thủ tục hành chính các số thứ tự 35, 56, 59, 24, 21, 67, 52, 53, 61, 19, 58, 18, 12, 50, 26, 70 Phụ lục I, các số thứ tự 86, 87, 92, 103, 99, 104, 100, 101 Phụ lục II, các số thứ tự 24, 21, 25, 23, 22 Phụ lục III; Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính các số thứ tự 54, 55, 71, 63, 81, 72, 76, 48, 60, 73, 51, 57, 32, 64 mục 3, Phụ lục I; các số thứ tự 80, 82, 82, 78, 79 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

Phụ lục 1:**DANH MỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực: Cơ sở giáo dục khác				
1	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	30 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
2	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	30 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
4	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
5	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	30 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	30 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
7	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
8	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	35 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
10	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	30 ngày làm việc	Gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tại TTPVHCC	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I.	Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên				
1	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (thị, thành phố)	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
2	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Công lập: 05 ngày làm việc Tư thực: 25 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (thị, thành phố)	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
II	Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	40 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (thị, thành phố)	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Phụ lục 2:
DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.005008.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
2	1.004988.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
3	1.004999.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			<i>đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>		
4	1.004991.000.00.00.H01	Giải thẻ trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
5	1.005061.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Các cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
6	2.001987.000.00.00.H01	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Các cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

II. CẤP HUYỆN

III.	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.006390.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục mầm non	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
2	1.006444.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục mầm non	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
3	1.006445.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục mầm non	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
4	2.001842.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện</i>	Giáo dục tiểu học	Trưởng Phòng Giáo dục và đào tạo

III.	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			<i>đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>		
5	1.004552.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục tiểu học	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
6	1.004563.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục tiểu học	Chủ tịch UBND cấp huyện
7	1.001639.000.00.00.H01	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</i>	Giáo dục tiểu học	Chủ tịch UBND cấp huyện

Phụ lục 3:**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)***I. CẤP TỈNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.006388.000. 00.00.H01	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
2	1.005074.000. 00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và	Giáo dục trung học	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			học phổ thông hoạt động giáo dục	hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
3	1.005067.000. 00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
4	1.005070.000. 00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Nghị định số 125/2024/NĐ- CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
5	1.006389.000. 00.00.H01	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		lập trường trung học phổ thông)	học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
6	1.005065.000. 00.00.H01	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
7	1.005062.000. 00.00.H01	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8	1.000744.000. 00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
9	1.005057.000. 00.00.H01	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
10	1.005053.000. 00.00.H01	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
				hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
11	1.005025.000. 00.00.H01	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
12	1.005043.000. 00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
13	1.005036.000. 00.00.H01	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	ng nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
14	1.005466.000. 00.00.H01	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
15	1.005359.000. 00.00.H01	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
16	1.004712.000. 00.00.H01	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
17	2.001805.000. 00.00.H01	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
18	1.005015.000. 00.00.H01	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		phổ thông chuyên tư thực		hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
19	1.005017.000. 00.00.H01	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Nghị định số 125/2024/NĐ- CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
20	2.001985.000. 00.00.H01	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

II. CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004494.000. 00.00.H01	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục mầm non	Chủ tịch UBND cấp huyện
2	1.004515.000. 00.00.H01	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục mầm non	Chủ tịch UBND cấp huyện
3	1.004555.000. 00.00.H01	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều	Giáo dục tiểu học	Chủ tịch UBND cấp huyện

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
				kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
4	1.004442.000. 00.00.H01	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp huyện
5	1.004444.000. 00.00.H01	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6	1.004475.000. 00.00.H01	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
7	2.001809.000. 00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp huyện
8	2.001818.000. 00.00.H01	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp huyện

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
				hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
9	1.004439.000. 00.00.H01	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Nghị định số 125/2024/NĐ- CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp huyện; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo
10	1.004440.000. 00.00.H01	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp huyện; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo

III. CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004492.000. 00.00.H01	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp xã
2	1.004443.000. 00.00.H01	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp xã
3	1.004485.000. 00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
				hoạt động trong lĩnh vực giáo dục		
4	2.001810.000. 00.00.H01	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp xã
5	1.004441.000. 00.00.H01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Chủ tịch UBND cấp xã

Phụ lục 4:

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. CẤP TỈNH

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.005069.000.00.00. H01	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	UBND cấp tỉnh

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
2	1.005073.000.00.00. H01	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	UBND cấp tỉnh
3	2.001988.000.00.00. H01	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	UBND cấp tỉnh
4	1.005082.000.00.00. H01	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.005354.000.00.00. H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	2.001989.000.00.00. H01	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	1.005088.000.00.00. H01	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thực	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	UBND cấp tỉnh

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8	1.005087.000.00.00. H01	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục nghề nghiệp	UBND cấp tỉnh
9	1.005084.000.00.00. H01	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
10	1.005081.000.00.00. H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11	1.005079.000.00.00. H01	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	UBND cấp tỉnh
12	1.005076.000.00.00. H01	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	UBND cấp tỉnh
13	1.005049.000.00.00. H01	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo; Cơ sở giáo dục

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
14	1.005195.000.00.00. H01	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo

II. CẤP HUYỆN

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004496.000.00.00. H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	Phòng Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
2	1.004545.000.00.00. H01	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	UBND cấp huyện
3	2.001839.000.00.00. H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	Phòng Giáo dục và Đào tạo
4	2.001837.000.00.00. H01	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (*)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	UBND cấp huyện

STT	Mã TT	Tên TTHC	Tên VB QPPL	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	2.001824.000.00.00. H01	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Giáo dục dân tộc	UBND cấp huyện

Ghi chú:

- (*) Các TTHC này bị bãi bỏ do được rà soát, thống kê là TTHC nội bộ. (việc thành lập, cho phép hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với các cơ sở giáo dục này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị và thành lập).
- Các nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.